TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:04/2018/HS-ST
Ngày 22 - 03 -2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đắc Tuyền;

Bà Tạ Thị Hương.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Vũ Văn Thắng - Thư ký Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đồng Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L số 04/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Bùi Xuân H, sinh năm 1994 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: TDP P 2, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn S và bà Phạm Thị L; có vợ và 01 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Tại địa phương chưa phát hiện sai phạm gì; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 05/12/2017; có mặt.

2. Trần Mạnh H, sinh ngày 03 tháng 10 năm 1999 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: TDP P 2, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Phạm Thị N; chưa có vợ con; tiền án: Không, tiền sự: Không; về nhân thân: Tại địa phương chưa phát hiện sai phạm gì; bị bắt, tạm giam ngày 16/01/2018; có mặt.

3. Lê Viết L, sinh năm 1994 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: TDP P 1, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề ngH: không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Viết K và bà Trần Thị T; chưa có vợ con; tiền án: Không, tiền sự: Không; về nhân thân: Tại địa phương chưa phát hiện sai phạm gì; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 05/12/2017; có mặt.

4. Nguyễn Văn M, sinh năm 1979 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: TDP P 2, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề ngH: không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị N; có vợ và 02 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; về nhân thân: Tại địa phương chưa phát hiện sai phạm gì; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 10/01/2018; có mặt.

- *Người bị hại:* Anh Phạm Khánh D, sinh năm: 1989 ở địa chỉ: TDP P 2, Đ, D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Phạm Thị L, có mặt;

+ Anh Lê Viết K, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền ăn tiêu nên khoảng 01h00’ ngày 16/10/2017, Bùi Xuân H rủ Trần Mạnh H, Lê Viết L đến xưởng gỗ nhà anh Phạm Khánh D, sinh năm: 1989 ở địa chỉ: TDP P 2, Đ, D để trộm cắp gỗ, H và L đồng ý. Khi đến nơi, L đứng canh gác ở khu vực cạnh Công ty M, vị trí cách xưởng gỗ khoảng 10 mét, còn H cùng H đến xưởng gỗ để trộm cắp tài sản. H dùng 01 chiếc kìm điện đã chuẩn bị sẵn từ trước cắt đứt dây thép lưới B40 rào xưởng gỗ để chui vào bên trong, lấy gỗ và chuyển ra ngoài cho H xếp gỗ để bên ngoài xưởng. Sau đó, H cùng H về nhà lấy xe mô tô BKS:16N4-3694 của L cất ở sân nhà H từ trước đó đi đến xưởng để vận chuyển gỗ mang đi cất giấu. H và H xếp gỗ lên xe mô tô, vận chuyển số gỗ trộm cắp được đem đi cất giấu tại vườn chuối nhà ông Bùi Văn C, sinh năm: 1964 ở TDP P 2, Đ, D ở gần nhà H, sau đó, cả ba đi về nhà. Đến khoảng 09 giờ sáng cùng ngày, H đến gặp Nguyễn Văn M hỏi: *“Cháu vừa trộm được ít gỗ chú có mua không?*”, H dẫn M đến vườn chuối nhà ông Cãu để xem gỗ, M đồng ý mua và trả cho H 1.700.000 đồng nhưng vẫn để số gỗ tại vườn nhà ông C. Số tiền bán gỗ trộm cắp được H chia cho H 1.080.000 đồng, chia cho L 20.000 đồng, số còn lại H giữ, tất cả đều đã tiêu xài cá nhân hết.

Bản Kết luận định giá tài sản số 31/KLĐG ngày 06/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận D kết luận: 23 con song tiện cầu thang thành phẩm bằng gỗ dổi và 48 thanh phôi bằng gỗ dổi có tổng trị giá là 7.141.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 08/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân quận D đã truy tố Bùi Xuân H, Lê Viết L, Trần Mạnh H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố Nguyễn Văn M về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Vật chứng của vụ án:

- 23 (hai mươi ba) con song tiện cầu thang thành phẩm bằng gỗ dổi và 48 (bốn mươi tám) thanh phôi bằng gỗ dổi, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là anh Nguyễn Khánh D, anh D không có yêu cầu gì thêm.

- 01 (một) xe mô tô BKS: 16N4-3694 qua xác M, chủ sở hữu hợp pháp là ông Lê Viết K, SN: 1964, ĐKHKTT và ở: TDP P1, Đ, D là bố đẻ của Lê Viết L, khi cho L mượn xe, ông Khánh không biết L sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Khánh.

- 01 (một) chiếc kìm điện được bọc vỏ nhựa màu xanh, có đầu nhọn, dài khoảng 20cm Bùi Xuân H dùng để cắt rào bên ngoài xưởng gỗ, H khai đã làm rơi trên đường trong quá trình vận chuyển gỗ, hiện Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- Số tiền 1.700.000 đồng thu của các bị can H, H, L, chuyển Chi cục thi hành án dân sự quận D.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng, các bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 17, điểm i, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Trần Mạnh H với mức án từ 12 đến 15 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 17, điểm s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65; Bộ luật Hình sự 2015 (điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đối với H) xử phạt Bùi Xuân H và Lê Viết L, mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ

luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo vì điều kiện kinh tế khó khăn.

Ngoài ra còn đề nghị xử L vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận D, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01h00' ngày 16/10/2017, Bùi Xuân H rủ Trần Mạnh H, Lê Viết L đến xưởng gỗ nhà anh Phạm Khánh D, sinh năm: 1989 ở địa chỉ: TDP P 2, Đ, D để trộm cắp gỗ. Khi đến xưởng gỗ của anh D, L đứng canh gác ở khu vực cạnh Công ty M Thành, vị trí cách xưởng gỗ khoảng 10 mét, còn H cùng H đến xưởng gỗ để trộm cắp tài sản. H dùng 01 chiếc kìm điện đã chuẩn bị sẵn từ trước cắt đứt dây thép lưới B40 rào xưởng gỗ để chui vào bên trong, lấy gỗ và chuyển ra ngoài cho H xếp gỗ để bên ngoài xưởng. Sau đó, H cùng H về nhà lấy xe mô tô BKS:16N4-3694 của L cất ở sân nhà H từ trước đó đi đến xưởng để vận chuyển gỗ mang đi cất giấu. H và H xếp gỗ lên xe mô tô, vận chuyển số gỗ trộm cắp được cất giấu tại vườn chuối nhà ông Bùi Văn Cãu, sinh năm: 1964 ở TDP P 2, Đ, D ở gần nhà H. Đến 09 giờ sáng cùng ngày, H đến gặp Nguyễn Văn M hỏi: *"Cháu vừa trộm được ít gỗ chú có mua không?*" và dẫn M đến vườn chuối nhà ông C để xem gỗ, M đồng ý mua và trả cho H 1.700.000 đồng nhưng vẫn để số gỗ tại vườn nhà ông C. Số tiền bán gỗ trộm cắp được H hưởng 1.080.000 đồng, H hưởng 600.000đ, L hưởng 20.000 đồng. Các bị cáo H, H và L đã có hành vi lén lút, lợi dụng đêm tối và sự sơ hở của chủ tài sản để chiếm đoạt tài sản trị giá 7.141.000 đồng. Hành vi của các bị cáo H, H và L đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", vi phạm khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đối với bị cáo M, bị cáo M không biết các bị cáo H, H và L rủ nhau đi chiếm đoạt tài sản của anh D, không có sự hứa hẹn trước sẽ tiêu thụ tài sản chiếm đoạt được; song sau khi các bị cáo H, H và L chiếm đoạt được tài sản và đem bán, bị cáo biết rõ đó là tài sản do các bị cáo H, H và L

phạm tội mà có nhưng vẫn tiêu thụ. Hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" vi phạm khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân quận D đã truy tố và đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo H, H và L theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, đối với bị cáo M theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo Bùi Xuân H, Lê Viết L, Trần Mạnh H không những xâm hại đến sở hữu hợp pháp của người khác, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn M xâm hại đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an chung .Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của bị cáo.

[4] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Bùi Xuân H, Lê Viết L, Trần Mạnh H cùng rủ nhau đi trộm cắp tài sản, không có sự bàn bạc, phân công, cấu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Đây là vụ án có đồng phạm nên cần đánh giá vai trò của các bị cáo để cụ thể hóa trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Bị cáo H là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, sau đó tìm người tiêu thụ, hưởng lợi 600.000 đồng nên có vai trò cao nhất; bị cáo H là người cùng H thực hiện hành vi trộm cắp và hưởng lợi nhiều nhất (1.080.000 đồng) nên có vai trò thứ 2; bị cáo L là người giúp sức (canh gác và cung cấp phương tiện), hưởng lợi 20.000 đồng nên có vai trò thứ yếu, thấp nhất trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" nên không đồng phạm với các bị cáo.

[5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo H, H, L nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Đối với bị cáo M, tuy người bị hại trong vụ án có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo phạm tội "tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", xâm phạm khách thể là trật tự công cộng nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ nêu trên. Bị cáo H có thời gian tham gia quân ngũ, sau khi phạm tội đã đầu thú nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Ngoài ra, bị cáo H và bị cáo M sau khi phạm tội, đã chỉ chỗ cất tài sản trộm cắp cho bà Liễu là mẹ bị cáo H để mang nộp cho cơ quan công

an trả lại cho người bị hại nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ "người phạm tội khắc phục hậu quả" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Các tình tiết giảm nhẹ này của các bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt cụ thể đối với từng bị cáo.

[7] *Về nhân thân*: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự; trước khi phạm tội, tại địa phương chưa có sai phạm gì.

[8] *Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo*: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự song xét tính chất nghiêm trọng của hành vi các bị cáo cần phải có hình phạt nghiêm khắc xử phạt các bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa mới đủ tác dụng cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, các bị cáo H, L, M chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, trước khi phạm tội luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; các bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đây là những điều kiện để có thể cho các bị cáo hưởng án treo, miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cho các bị cáo. Do đó, không nhất thiết phải buộc các bị cáo phải cách ly xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, cho bị cáo hưởng án treo, giao các bị cáo cho gia đình và địa phương quản L giáo dục cũng đủ tác dụng trừng trị, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo H cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, chưa có tiền án, tiền sự; song trong giai đoạn điều tra được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng bị cáo đã bỏ trốn, cơ quan cảnh sát điều tra phải truy nã và bị bắt theo lệnh truy nã. Việc bị cáo H bỏ trốn đã gây khó khăn cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém nên cần phải xử phạt nghiêm khắc, cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng trừng trị, giáo dục và phòng ngừa chung.

[9] Về hình phạt bổ sung: Vì điều kiện kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] *Về xử L vật chứng*: Số tiền 1.700.000 đồng đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự quận D. Đây là số tiền thu lợi bất chính do các bị cáo mua bán tài sản trộm cắp được mà có nên cần tịch thu xung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] *Về án phí*: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 17, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (đối với bị cáo H); khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 17, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (đối với bị cáo H); khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 17, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (đối với bị cáo L); khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 (đối với bị cáo M); Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Xuân H, Lê Viết L, Trần Mạnh H đồng phạm tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Mạnh H 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày16/01/2018.

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân H 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Lê Viết L 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Bùi Xuân H, Lê Viết L và Nguyễn Văn M cho UBND phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo H, L, M thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. ***Về vật chứng:*** Tịch thu sung quỹ số tiền 1.700.000đ đã thu giữ của các bị cáo (theo Biên bản bàn giao vật chứng ngày 10/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố Hải Phòng).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Bùi Xuân H, Lê Viết L, Trần Mạnh H và Nguyễn Văn M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại là anh Phạm Khánh D vắng mặt được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp

luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND quận D;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra CA quận D;
- PV27 Công anTP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan THAHS quận D;
- Tòa án TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quang Trung